

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2023/HS-ST**  
Ngày: 04-01-2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Út Lệ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Doanh Thiêm Vân

Bà Trần Thị Huế

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Sinh Hà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Hải Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

**Trương Văn M** (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 14 tháng 7 năm 1978 tại huyện Tr, tỉnh Cao Bằng. Nơi ĐKKHKT: T, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Xuân Đ (đã chết) và bà Bé Thị S, sinh năm 1947; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ từ ngày 03/8/2022 đến ngày 06/8/2022, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay tại thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Sầm Đức T - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

**- Người chứng kiến:**

+ Ông Lục Minh C, sinh năm 1985. Vắng mặt không có lý do.

+ Ông Hà Thế H, sinh năm 1984. Vắng mặt không có lý do.

+ Ông Lương Văn Th, sinh năm 1978. Vắng mặt có lý do.

Cùng trú tại: T, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ 05 phút ngày 03/8/2022, tại khu vực cạnh kho chứa máy phát điện của nhà ông Lương Văn Th thuộc T, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, tổ công tác Công an thị trấn N1, huyện N đang làm nhiệm vụ thì phát hiện bắt quả tang Trương Văn M, sinh năm 1978, trú tại T, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ: 02 gói nhỏ chất bột màu trắng (nghỉ là heroine) mỗi gói được gói bằng 01 lớp giấy mặt bên ngoài màu trắng có chữ, mặt bên trong màu trắng tại túi quần đằng trước bên phải M đang mặc trên người (tổ công tác tiến hành niêm phong trong phong bì ký hiệu A1), 04 gói nhỏ chất bột màu trắng (nghỉ là heroine) mỗi gói được gói bằng 01 lớp giấy mặt bên ngoài màu trắng có chữ, mặt bên trong màu trắng tại dưới 01 miếng gỗ trên bậc hiên của kho chứa máy phát điện (niêm phong trong phong bì ký hiệu A6), tạm giữ 02 điện thoại di động và số tiền 767.000 đồng của M. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiến hành khám xét khẩn cấp nhà, nơi ở và công trình liên quan đối với Trương Văn M tại T, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Kết quả: Không thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu gì.

Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã tiến hành mở niêm phong cân số chất màu trắng thu giữ được khi bắt quả tang đối với Trương Văn M, kết quả: Tổng khối lượng số chất màu trắng trong phong bì ký hiệu A1 là 0,14g (*không phẩy một bốn gam*), trong phong bì A6 là 0,11g (*không phẩy một một gam*), thử phản ứng nhanh đều cho kết quả là Heroine. Sau đó niêm phong lại trong 02 (hai) phong bì gửi giám định ký hiệu lần lượt là T1 và T3.

Tại bản Kết luận giám định số 162/KL-KTHS ngày 10/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu T1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,14g (*không phẩy một bốn gam*). Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu T3 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,11g (*không phẩy một một gam*).

Quá trình điều tra, truy tố, Trương Văn M khai nhận: Số ma túy mà Cơ quan Công an thu giữ ngày 03/8/2022 là của M, do M mua về để sử dụng cho bản thân, cụ thể: Do bản thân là người nghiện ma túy nên vào ngày 31/7/2022, M một mình đi xe khách xuống thành phố B tìm mua ma túy. Tại bến xe khách B, M mua được 01 gói nhỏ ma túy với một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ với số tiền 500.000 đồng. M mang về nhà chia ra thành 08 gói nhỏ để sử dụng, trong ngày 31/7/2022 và ngày 01/8/2022 M đã sử dụng hết 02 gói nhỏ ma túy. Còn 06 gói nhỏ ma túy vào buổi sáng ngày 01/8/2022 M mang theo trên người để đi ăn sáng, khi đến gần nhà ông Lương Văn Th, M đã lấy 04 gói nhỏ ma túy cất giấu vào dưới miếng gỗ nhỏ trên bậc hiên của kho chứa máy phát điện của nhà ông Th (M để ma túy tại đây vì sợ để trong nhà sẽ bị phát hiện, việc M để ma túy tại đây không có ai biết), còn 02 gói nhỏ ma túy M để trong túi quần bên phải M đang mặc. Đến 09 giờ 05 phút ngày

03/8/2022 khi M đi ăn sáng về đến cạnh kho chứa máy phát điện của nhà ông Lương Văn Th thì bị Cơ quan Công an kiểm tra phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số ma túy trên.

Quá trình bắt quả tang, những người chứng kiến xác nhận: Ngày 03/8/2022 bản thân được chứng kiến việc Cơ quan Công an lập biên bản bắt quả tang đối với Trương Văn M về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKSNS, ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Trương Văn M về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

*Tại phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Văn M phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Đề nghị xử lý bị cáo như sau:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 03/8/2022 đến ngày 06/8/2022.

- Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy (Heroin) hoàn lại sau khi giám định, phong bì, bao gói cũ, giấy gói cũ và phong bì niêm phong cũ có trong các phong bì niêm phong ký hiệu T159, T2, T4, P1.

Trả lại cho bị cáo 02 điện thoại di động và số tiền 767.000 đồng có trong có trong các phong bì dán kín niêm phong ký A2, A3, P2.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo có bản bào chữa nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, về xử lý vật chứng. Đề nghị xử phạt bị cáo ở mức hình phạt thấp nhất trong khung hình phạt đối với tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Bị cáo khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, bản bào chữa của người bào chữa; Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì. LỜI sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Do nghiện ma túy nên ngày 03/8/2022, Trương Văn M đã có hành vi tàng trữ trái phép 06 (sáu) gói nhỏ ma túy (heroin) có khối lượng 0,25g (không phải hai năm gam) mục đích sử dụng cho bản thân và đã bị tổ công tác Công an thị trấn N1 phát hiện, lập biên bản, tiến hành thu giữ toàn bộ tang vật.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 09 giờ 05 phút, ngày 3/8/2022; biên bản khám xét lập hồi 12 giờ 50 phút, ngày 03/8/2022; biên bản mở đóng niêm phong, cân xác định khối lượng chất bột màu trắng nghi là chất ma túy và gửi mẫu giám định ngày 03/8/2022; phù hợp với Kết luận giám định số 162/KL-KTHS ngày 10/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn; phù hợp với các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung đối với bị can và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua tranh luận tại phiên tòa không có mâu thuẫn, không làm phát sinh tình tiết, chứng cứ mới.

Vì vậy, có đầy đủ cơ sở kết luận hành vi của Trương Văn M đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

### **Điều luật có nội dung:**

*1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

.....

*c) Heroine..... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;*

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*

[3] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng do ý thức coi thường pháp luật,

không chịu tu dưỡng đạo đức, lối sống, bị cáo đã nghiện ma túy và đã cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 0,25g (không phải hai năm gam) ma túy (Heroin).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội, tiếp tay cho các đối tượng hám lời có cơ hội lưu thông, buôn bán ma túy, là nguyên nhân làm lây lan, phát sinh nhiều tệ nạn nguy hiểm xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Viện kiểm sát nhân dân huyện N quyết định truy tố bị cáo trước Tòa án để xét xử về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định của pháp luật, đúng với diễn biến khách quan của vụ án, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Bị cáo có bố đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng Nhất và hạng Ba. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Từ những nhận định trên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên, người bào chữa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, không có việc làm, thu nhập ổn định, gia đình thuộc hộ nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án

Số ma túy (Heroin) hoàn lại sau khi giám định, bao gói cũ, giấy gói cũ và phong bì niêm phong cũ là vật cấm lưu hành và vật không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 02 điện thoại di động và số tiền 767.000 đồng là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội. Tại phiên tòa, bị cáo có đề nghị xin lại nên cần trả lại cho bị cáo.

[7] Các vấn đề liên quan trong vụ án: Đối với người đàn ông không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ là người bị cáo khai đã bán ma túy cho bị cáo vào ngày 31/7/2022,

quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch của người này nên cơ quan điều tra không có căn cứ làm rõ, xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí. Do vậy bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Tuyên bố bị cáo Trương Văn M phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 03/8/2022 đến ngày 06/8/2022.

**2.** Về xử lý vật chứng trong vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

2.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì dán kín niêm phong, mặt trước phong bì có ghi: “T159, Vụ: Trương Văn M (1978) Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- 01 (một) phong bì dán kín niêm phong, mặt trước phong bì có ghi: Giấy gói cũ, phong bì niêm phong cũ (ký hiệu A1) được niêm phong ký hiệu T2.

- 01 (một) phong bì dán kín niêm phong, mặt trước phong bì có ghi: Giấy gói cũ, phong bì niêm phong cũ (ký hiệu A6) được niêm phong ký hiệu T4.

- 01 (một) phong bì dán kín niêm phong, mặt trước phong bì có ghi: 02 (hai) phong bì niêm phong cũ ký hiệu A4, A5, niêm phong tiền tạm giữ của Trương Văn M, ký hiệu P1.

2.2. Trả lại cho bị cáo Trương Văn M:

- 01 (một) điện thoại tạm giữ của Trương Văn M ngày 03/8/2022, có trong 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu A2.

- 01 (một) điện thoại tạm giữ của Trương Văn M ngày 03/8/2022, có trong 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu A3.

- Số tiền 767.000đ (*bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*) tạm giữ của Trương Văn M có trong 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu P2.

(*Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 22/11/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N*).

**3.** Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**4. Quyền kháng cáo:** Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện;
- Cơ quan THAHS Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Hoàng Út Lệ**